

Bản án số: 89/2020/HS-ST
Ngày 27/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ PHONG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lương và bà Lang Thủy Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Huyền Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:

Bà Lô Thị Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 79/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị T; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1981, tại huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm X, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Xóm Ph, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Nguyên lao động tự do; trình độ học vấn: Không học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hữu H; con bà: Thái Thị L; có chồng: Vương Đình Đ và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 2 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; ngày 31/8/2015 bị cáo được đặc xá; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2020. Có mặt.

2. Vương Đình Đ; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1976, tại huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Xóm Ph, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Nguyên làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vương Đình Đ; con bà: Nguyễn Thị X; có vợ: Lê Thị T và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2000 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 48 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 20/6/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/5/2020. Có mặt.

- Người đại diện cho bị cáo Lê Thị T: Bà Thái Thị L, sinh năm 1960; trú tại xóm X, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Mẹ của bị cáo T). Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị T: Bà Phan Thị Th, Luật sư, thuộc văn phòng luật sư Thành Vinh. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt và bài phát biểu gửi cho Hội đồng xét xử).

- Người làm chứng: 1. Anh Sầm Văn Ch, sinh năm 1989; trú tại bản Ch, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1980; trú tại bản N, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người chứng kiến: 1. Chị Trần Thị L, sinh năm 1978; trú tại bản N, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Ông Cao Văn M, sinh năm 1962; trú tại xóm M, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 02/5/2020 bị cáo Lê Thị T đi lên xã Tr, huyện Q, tỉnh Nghệ An mua 4 gói Methamphetamine với một người tên Thái, để sử dụng. Mua được ma túy bị cáo đi về đến dốc Ch, thuộc địa phận xã Ch, huyện Q thì bị bắt quả tang. Thu 3 gói viên nén màu hồng, 01 gói chất dạng tinh thể màu trắng, 02 chiếc điện thoại di động; trong đó 01 chiếc nhãn hiệu IPHON6 PLUS màu vàng đồng và 01 chiếc nhãn hiệu NOKIA màu xanh đen.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q qua xác định gói thứ nhất có chứa các viên nén màu hồng có tổng khối lượng 20,84 gam và lấy mẫu đi giám định ký hiệu M1; gói thứ 2 có chứa các viên nén màu hồng có tổng khối lượng 20,55 gam và lấy mẫu đi giám định ký hiệu M2; gói thứ 3 có chứa các viên nén màu hồng có tổng khối lượng 20,79 gam và lấy mẫu đi giám định ký hiệu M3; gói thứ 4 có chứa chất dạng tinh thể màu trắng có khối lượng 28,78 gam và lấy mẫu đi giám định ký hiệu M4.

Bản kết luận giám định số 591/KL- PC09(MT) ngày 06/5/2020 của phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

- Ba mẫu viên nén màu hồng (Ký hiệu M1, M2, M3) thu giữ của Lê Thị T gửi tới giám định đều là ma túy (Methamphetamine). Số viên nén màu hồng (Ba gói) thu giữ của Lê Thị T gửi tới giám định có tổng khối lượng 62,18 (Sáu mươi hai phẩy mười tám) gam.

- Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng (Ký hiệu M4) thu giữ của Lê Thị T gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine). Số chất dạng tinh thể màu trắng (Một gói) thu giữ của Lê Thị T gửi tới giám định có khối lượng 28,78 (Hai mươi tám phẩy bảy mươi tám) gam.

Vụ thứ hai: Ngày 28/4/2020 bị cáo Lê Thị T đi lên xã Tr, huyện Q, tỉnh Nghệ An mua 19 viên Methamphetamine với một người tên Thái để sử dụng. Mua được ma túy bị cáo đưa về nhà và nói Vương Đình Đ cất để sử dụng. Ngày 03/5/2020 Vương Đình Đ lấy 5 viên ma túy ra sử dụng, sau đó Đ đi mua thêm 01 gói Heroine đem về cất vào trong lọ cùng với 14 viên Methamphetamine và đem cất giấu. Đến khoảng 13 giờ ngày 03/5/2020 tổ công tác Công an huyện Q đến khám xét khẩn cấp thì Vương Đình Đ chốt cửa trước và

cầm lọ nhựa bên trong đựng ma túy ra phía sau nhà để vứt thì bị bắt quả tang. Thu giữ 14 viên nén màu hồng và gói chất bột màu trắng.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q xác định 14 viên nén màu hồng thu giữ của Vương Đình Đ có tổng khối lượng 1,325 gam và lấy mẫu đi giám định ký hiệu M1. Gói chất bột màu trắng thu giữ của Vương Đình Đ có khối lượng 0,08 gam và lấy mẫu đi giám định ký hiệu M2.

Bản kết luận giám định số 593/KL- PC09(MT) ngày 06/5/2020 của phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

- Mẫu viên nén màu hồng (Ký hiệu M1) thu giữ của Vương Đình Đ gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine). Số viên nén màu hồng (14 viên) thu giữ của Vương Đình Đ gửi tới giám định có tổng khối lượng 1,325 (Một phẩy ba trăm hai mươi lăm) gam.

- Mẫu chất bột màu trắng (Ký hiệu M2) thu giữ của Vương Đình Đ gửi tới giám định là ma túy (Heroin). Chất bột màu trắng (Một gói) thu giữ của Vương Đình Đ gửi tới giám định có khối lượng 0,08 (Không phẩy không tám) gam.

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Thị T và Lê Đình Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cụ thể: Vào lúc 18 giờ 20 phút, ngày 02/5/2020 tại khu vực dốc Ch, thuộc địa phận xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An, Lê Thị T đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy thì bị bắt quả tang, thu 90,96 gam Methamphetamine. Mục đích bị cáo cất giấu ma túy là để sử dụng. Ngày 28/4/2020 Lê Thị T mua một lọ Methamphetamine về nhà đưa cho Vương Đình Đ cất giấu. Ngày 03/5/2020 Vương Đình Đ đi mua 1 gói Heroine và bỏ vào trong lọ ma túy của Lê Thị T và đem cất giấu, để sử dụng. Vào lúc 13 giờ ngày 03/5/2020 Công an huyện Q đến khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thị T lúc đó Vương Đình Đ cầm lọ ma túy đi tẩu tán thì bị bắt quả tang; thu 14 viên Methamphetamine có tổng khối lượng 1,325 gam và 01 gói Heroine có khối lượng 0,08 gam.

Cáo trạng số 78/CT-VKS- HS ngày 12/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Vương Đình Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Đối với người bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Lê Thị T và Vương Đình Đ, do không xác minh được họ tên và địa chỉ, nên không có cơ sở để điều tra xử lý. Đối với anh Sầm Văn Ch có hành vi chở bị cáo Lê Thị T đi, nhưng Ch không biết T đi mua ma túy, nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Q vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng đã kết luận và đề nghị áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; các điểm s, q khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Thị T từ 11 năm đến 12 năm tù.

Đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: bị cáo Vương Đình Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại; đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc điện thoại Nokia; trả lại cho bị cáo Lê Thị T chiếc điện thoại Iphone và miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Bài phát biểu của người bào chữa cho bị cáo Lê Thị T: Người bào chữa không tranh luận về tội danh và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo Lê Thị T mức thấp nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung và trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại Iphone.

Các bị cáo, người đại diện của bị cáo Lê Thị T không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người đại diện của bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Mặc dù không được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, nhưng vào lúc 18 giờ 20 phút, ngày 02/5/2020 tại khu vực dốc Ch, thuộc địa phận xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An, Lê Thị T đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy thì bị bắt quả tang, thu 90,96 gam Methamphetamine. Mục đích bị cáo cất giấu ma túy là để sử dụng. Ngày 28/4/2020 Lê Thị T mua một lọ Methamphetamine về nhà và đưa cho Vương Đình Đ sử dụng. Ngày 03/5/2020 Vương Đình Đ đi mua thêm 1 gói Heroine và bỏ vào trong lọ ma túy của Lê Thị T cho và đem cất giấu, để sử dụng. Vào lúc 13 giờ ngày 03/5/2020 Công an huyện Q đến khám xét khẩn cấp, Vương Đình Đ cầm lọ ma túy đi tẩu tán thì bị bắt quả tang; thu 14 viên Methamphetamine có khối lượng 1,325 gam và 01 gói Heroine có khối lượng 0,08 gam; như vậy bị cáo Lê Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự với số lượng ma túy là 92,285 gam Methamphetamine; bị cáo Vương Đình Đ phải chịu trách nhiệm hình sự với số lượng ma túy 1,325 gam Methamphetamine và 0,08 gam Heroine. Các bị cáo tàng trữ ma túy không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Do đó bị cáo Lê Thị T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật hình sự; bị cáo Vương Đình Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết nhân thân, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, mà còn làm ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, nòi giống của con người, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị T là rất

ng nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy cần xét xử nghiêm và cách ly bị cáo Lê Thị T ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đối với Vương Đình Đ thấy vợ mua ma túy về cho sử dụng, bị cáo lại mua thêm ma túy về cất giấu; khi thấy Công an đến khám xét bị cáo đã lấy ma túy đưa đi để phi tang; hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy cũng cần xét xử nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên trước phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo Lê Thị T là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức; bị cáo Vương Đình Đ có mẹ Nguyễn Thị X là người có công với cách mạng, được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; do vậy cần giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước.

[4] Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Q đề nghị xử phạt: Bị cáo Lê Thị T từ 11 năm đến 12 năm tù; xử phạt bị cáo Vương Đình Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị T mức thấp nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa đối với bị cáo Lê Thị T là hợp lý. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Vương Đình Đ là cao vì bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo không có việc làm ổn định, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản đáng giá. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với 90,96 gam Methamphetamine thu giữ của bị cáo Lê Thị T, cơ quan điều tra đã lấy đi giám định chất ma túy 6,92; còn lại 84,04 gam. Đối với 1,325 gam Methamphetamine thu giữ của bị cáo Vương Đình Đ cơ quan điều tra đã lấy đi giám định chất ma túy 0,4 gam; còn lại 0,925 gam, số Heroine đã đưa đi giám định chất ma túy hết. Đây là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA là phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHON6 PLUS không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo Lê Thị T.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lê Thị T, Vương Đình Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 249; các điểm q, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lê Thị T 11 (Mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 02/5/2020.

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Vương Đình Đ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 03/5/2020.

Căn cứ vào điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ một hộp cát tông bên trong đựng 84,04 (Tám mươi bốn phẩy không bốn) gam Methamphetamine thu giữ của bị cáo Lê Thị T; 0,925 (Không phẩy chín trăm hai mươi lăm) gam Methamphetamine thu giữ của bị cáo Vương Đình Đ, vỏ gói ma túy và vật niêm phong cũ. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA, màu xanh đen thu giữ của bị cáo Lê Thị T. Trả lại cho bị cáo Lê Thị T 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHON6 PLUS màu vàng đồng do Chi cục thi hành án dân sự huyện Q chi trả.

Chi tiết vật chứng được ghi cụ thể trong biên bản giao nhận ngày 23/10/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q với Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Thị T và Vương Đình Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện cho bị cáo Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- VKSND huyện Q.
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- Công an huyện Q.
- Chi cục THA DS huyện Q.
- Trại tạm giam; trại giam.
- Sở tư pháp; UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu VP, THAHS, Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Công Phong